

Bản án số: 06/2020/DSPT

Ngày: 21/02/2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết.

+ *Các Thẩm phán:*

1/ Ông Lương Xuân Lộc.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị P**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu X, thị trấn Y, huyện Z, Bắc Giang- Có mặt.

- *Bị đơn:*

1. **Ông Trần Văn H**, sinh năm 1964- Vắng mặt.

2. **Bà Ngô Thị T**, sinh năm 1968- có mặt.

Đều địa chỉ: Khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hà Huy Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu X, thị trấn Y, huyện Z, Bắc Giang- có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2019 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bắc Giang, nguyên đơn (Bà Nguyễn Thị P) trình bày như sau:

Do mối quan hệ hàng xóm nên ngày 21/12/2015 (âm lịch) vợ chồng bà có cho bà T, ông H vay số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Sau khi thỏa thuận thống nhất xong về việc vay tiền bà T đã ký vào giấy biên nhận vay tiền. Trong giấy biên nhận vay tiền hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ

cũng như lãi suất của hợp đồng nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là khi nào bà cần thì đòi hoặc bà T, ông H có thì trả, lãi suất theo lãi suất ngân hàng là 1%/tháng. Bà đã giao đầy đủ số tiền 70 triệu đồng cho bà T, nhưng sau một thời gian bà T không thanh toán trả cho bà và có biểu hiện chây ì, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà T và ông H vẫn không thanh toán trả cho bà tiền gốc và lãi đã vay. Bà xác định hiện nay bà T và ông H vẫn còn nợ của bà 70 triệu đồng tiền gốc và lãi suất từ ngày vay đến nay. Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Z buộc vợ chồng Ông Trần Văn H và Bà Ngô Thị T phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi suất của khoản vay từ ngày vay đến nay theo quy định pháp luật.

Với nội dung trên; Tòa án nhân dân huyện Z đã xử:

Áp dụng các Điều: 305, 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị P.

Buộc Bà Ngô Thị T và Ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Bà Nguyễn Thị P và ông Hà Huy Đ số tiền vay nợ gốc là **70.000.000đ** (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 23.275.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); tổng cả gốc và lãi là: 93.275.000đ (Chín mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà Ngô Thị T và Ông Trần Văn H phải liên đới chịu 4.663.800đ (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000874 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lãi xuất chậm thi hành án và quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 24/10/2019 Bà Ngô Thị T làm đơn kháng cáo bản án với nội dung tòa sơ thẩm buộc chồng bà là ông H cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Phòng Đ là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bà Ngô Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà T đề nghị xin được trả dần mỗi tháng một triệu đồng cho đến khi trả hết nợ, bà P và ông Đ không đồng ý theo phương thức trả dần của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều chấp hành nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Ngô Thị T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm và bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà,

Xét yêu cầu kháng cáo của bà T thì thấy; Tại cấp sơ thẩm đã xác định:

Bà Nguyễn Thị P và Bà Ngô Thị T tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày:21/12/2015 (âm lịch), xác nhận là hợp đồng hợp pháp đ- ọc pháp luật bảo vệ; đồng thời đã nhận định rõ việc Bà Nguyễn Thị P yêu cầu Bà Ngô Thị T và Ông Trần Văn H phải thanh toán trả tiền gốc còn nợ và lãi suất theo quy định pháp luật và căn cứ vào các chứng cứ cũng như các tài liệu do đ- ơng sự xuất trình, bản tự khai và lời trình bày tại Toà án đã xác định được ngày 21/12/2015 (âm lịch) bà T có ký nhận vay của vợ chồng bà P, ông Đ số tiền là 70.000.000đ. Mặc dù trong giấy vay tiền chỉ có một mình bà T ký nhận vay tiền nhưng có ghi rõ người vay tiền là Ông Trần Văn H và Bà Ngô Thị T. Mặt khác, quan hệ giữa Ông Trần Văn H và Bà Ngô Thị T là quan hệ vợ chồng, vì vậy thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thu nhập và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà T và ông H phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc và lãi cho Bà Nguyễn Thị P và ông Hà Huy Đ của hợp đồng vay tài sản nêu trên là phù hợp. Do đó yêu cầu của Bà Nguyễn Thị P yêu cầu Bà Ngô Thị T và Ông Trần Văn H phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc còn nợ và lãi suất theo quy định pháp luật là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy kháng cáo của bà T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của bà T, Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.
Không chấp nhận kháng cáo của Bà Ngô Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều: 305, 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xử:

Buộc Bà Ngô Thị T và Ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Bà Nguyễn Thị P và ông Hà Huy Đ số tiền vay nợ gốc là **70.000.000đ** (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 23.275.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); tổng gốc và lãi là: 93.275.000đ (Chín mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà Ngô Thị T và Ông Trần Văn H phải liên đới chịu 4.663.800đ (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000874 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT (xác nhận bà T đã nộp đủ án phí theo biên lai thu tiền số 0000351 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Z, Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- THA tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết